| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN CP**<br>TỈNH AN GIANG | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** |

Bản án số: **431**/2022/HNGĐ-ST
Ngày : 29/9/2022
"V/v tranh chấp ly hôn"

# NHÂN DANH
# NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

## TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CP, TỈNH AN GIANG

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***:

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Bà Thái Dương Thùy Dung.

*Các Hội thẩm nhân dân*:

1. Ông Nguyễn Phước Duy;

2. Bà Nguyễn Thị Kim Phượng;

***- Thư ký phiên tòa***: Bà Bùi Thùy Dương – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện CP, tỉnh An Giang.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện CP tham gia phiên tòa***: Bà Nguyễn Thị Diệu – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 9 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện CP xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 350/2022/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 8 năm 2022 về "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 304/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 24/8/2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 263/2022/QĐST-HNGĐ ngày 09/9/2022 giữa các đương sự:

*1. Nguyên đơn:* Bà **Huỳnh Tú T**, sinh năm 1979. Địa chỉ cư trú: Số nhà 115B, đường Trưng Nữ Vương, khóm CQ, phường CP B, thành phố CĐ, tỉnh An Giang (Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt).

*2. Bị đơn:* Ông **La Quang V**, sinh năm 1978. Địa chỉ cư trú: Số nhà 179, đường Lê Văn Cường, ấp MP, xã MĐ, huyện CP, tỉnh An Giang (Vắng mặt).

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Theo đơn khởi kiện đề ngày 27/6/2022 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Huỳnh Tú T trình bày:*

Về hôn nhân: Bà và ông La Quang V được bạn bè giới thiệu, tự nguyện tìm hiểu, quen biết nhau được một năm, sau đó bà và ông V tự nguyện thực hiện thủ tục đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân phường CP B, thành phố CĐ, tỉnh An Giang theo giấy chứng nhận kết hôn số 190, đăng ký ngày 24/12/2019 nhưng không có tổ chức lễ cưới. Ông bà cũng chưa chung sống với nhau ngày nào do hai người đều có công việc riêng và không ở gần nhau, chủ yếu liên lạc với nhau qua điện thoại. Sau

khi kết hôn một thời gian, bà T nhận thấy cả hai không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống, bà phát hiện ông V không trung thực và có quan hệ với người khác bên ngoài nên bà không muốn tiếp tục mối quan hệ hôn nhân với ông V. Nhiều lần, bà đã liên lạc với ông V để làm thủ tục ly hôn nhưng không được, bà có liên hệ với gia đình, ba mẹ ông V nhưng không ai biết hiện giờ ông đi đâu, làm gì, ở đâu, chỉ biết lâu lâu ông V có đi về thăm gia đình.

Bà đã thực hiện thủ tục yêu cầu đăng báo tìm kiếm người vắng mặt nơi cư trú đối với ông V để ông V biết trở về, thực hiện thủ tục ly hôn nhưng đến nay vẫn không liên hệ được. Nay bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông La Quang V. Vì thực tế bà và ông V không có chung sống với nhau, không chăm sóc, không còn quan tâm, yêu thương nhau.

Về con chung: Bà và ông V không có con chung nên không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp gồm: Giấy chứng nhận kết hôn (bản chính); Giấy CMND của bà Huỳnh Tú T (bản sao); Giấy CMND của ông La Quang V (bản sao); Sổ hộ khẩu của bà T (bản sao); Sổ hộ khẩu của ông V (bản sao); Quyết định sơ thẩm giải quyết việc dân sự số 01/2022/QĐST-VDS ngày 05/5/2022 của Tòa án nhân dân huyện CP; Quyết định Thông báo tìm kiếm người vắng mặt nơi cư trú số 01/2022/QĐ-TA ngày 05/5/2022 của Tòa án nhân dân huyện CP; 03 trang báo Công lý số 046 – ngày 10/6/2022; số 047 – ngày 14/6/2022; số 48 + 49 – ngày 17/6/2022 có đăng tin tìm kiếm người vắng mặt nơi cư trú đối với ông La Quang V (bản photo);

Tòa án đã tống đạt các văn bản tố tụng hợp lệ nhưng bị đơn ông La Quang V vẫn vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án, không gửi văn bản trình bày ý kiến của mình về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tòa án tiến hành xác minh, được biết trước đây ông La Quang V có đăng ký thường trú tại ấp Mỹ Chánh, xã MĐ, huyện CP, tỉnh An Giang nhưng đến ngày 29/7/2019 ông V đã chuyển hộ khẩu thường trú về ấp MP, xã MĐ, huyện CP, tỉnh An Giang cư trú đến nay. Tuy nhiên, hiện nay ông V không có mặt tại địa phương, không rõ đi đâu, làm gì, ở đâu, không rõ thời gian trở về, lâu lâu có về thăm gia đình.

Tòa án tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng bà T và ông V đều vắng mặt, bà T có đơn xin vắng mặt và đề nghị không tiến hành hòa giải nên không tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải được.

**** Tại phiên tòa:***

- Nguyên đơn bà T vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Bị đơn ông V vắng mặt, không có đơn xin xét xử vắng mặt.

** Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện CP phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:*

- Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục xét xử sơ thẩm vụ án theo quy định của Bộ luật tố tụng Dân sự. Đối với người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã thực hiện quyền và nghĩa vụ đúng theo quy định tại Điều 70, Điều 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Riêng bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, không gửi văn bản trình bày ý kiến về vụ án, không có đơn xin vắng mặt là chưa chấp hành đúng theo quy định tại Điều 70, Điều 72 của Bộ Luật Tố tụng Dân sự.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho bà T được ly hôn với ông V. Về con chung, tài sản chung, nợ chung: do bà T khai không có, không yêu cầu giải quyết nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét. Về án phí sơ thẩm: Đề nghị xem xét, giải quyết theo quy định của pháp luật.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

**[1] Về thủ tục tố tụng:**

[1.1] *Về thẩm quyền giải quyết:*

Bà Huỳnh Tú T khởi kiện yêu cầu ly hôn đối với bị đơn ông La Quang V nên xác định quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án là *"Tranh chấp ly hôn"*. Bị đơn ông V có địa chỉ cư trú tại xã MĐ, huyện CP, tỉnh An Giang nên Tòa án nhân dân huyện CP có thẩm quyền thụ lý, giải quyết vụ án là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

[1.2] *Về sự có mặt, vắng mặt của các đương sự:*

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tống đạt các văn bản tố tụng hợp lệ cho đương sự theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Tại phiên tòa, nguyên đơn vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt, riêng bị đơn đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt, không có đơn xin xét xử vắng mặt nên căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án là đúng theo quy định của pháp luật.

**[2] Về nội dung vụ án:**

[2.1] *Về hôn nhân:*

Nguyên đơn bà Huỳnh Tú T và ông La Quang V tự nguyện tìm hiểu, quen nhau rồi tiến tới hôn nhân, ông bà có thực hiện thủ tục đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường CP B, thành phố CĐ, tỉnh An Giang theo Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 190, đăng ký ngày 24/12/2019 nên xét thấy mối quan hệ hôn nhân giữa ông bà là hợp pháp, làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa vợ chồng.

Theo Điều 19 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định:

"*1. Vợ chồng có nghĩa vụ yêu thương, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện công việc trong gia đình*.

*2. Vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau....*".

Xét thấy theo lời trình bày của bà T, kể từ sau khi đăng ký kết hôn, giữa bà và ông V không còn hợp nhau, bất đồng quan điểm sống, cả hai người chưa từng chung sống với nhau như vợ chồng, ông V đã tự ý bỏ đi, không liên lạc với gia đình, không quan tâm đến bà T là vi phạm nghĩa vụ giữa vợ chồng. Bà T đã không còn tin tưởng, yêu thương ông V, bà không muốn ràng buộc mối quan hệ hôn nhân với ông V nên bà yêu cầu được ly hôn với ông V.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ do bà T cung cấp, xét thấy kể từ khi Tòa án nhân dân huyện CP đăng báo tìm kiếm người vắng mặt nơi cư trú đối với ông V đến nay ông V vẫn không trở về để liên hệ với bà T.

Trong suốt quá trình giải quyết vụ án, ông V không gửi văn bản trình bày ý về vụ án. Tòa án tiến hành mở phiên hòa giải, phiên tòa để tạo điều kiện cho bà T và ông V có cơ hội hàn gắn lại tình cảm, đoàn tụ với nhau nhưng bà T và ông V đều vắng mặt, cho thấy cả hai người đều không quan tâm, không tha thiết duy trì mối quan hệ hôn nhân này.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử xét thấy mối quan hệ hôn nhân giữa bà T và ông V đã thật sự lâm vào tình trạng mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà T, cho bà T được ly hôn với ông V là phù hợp với quy định tại Điều 19, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 và phù hợp với đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện CP.

[2.2] *Về con chung:* Bà T khai không có con chung, không yêu cầu giải quyết, ông V không có ý kiến về con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[2.3] *Về tài sản chung, nợ chung:* Bà T khai không có, không yêu cầu giải quyết, ông V không có ý kiến về tài sản chung, nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

**[3] Về án phí sơ thẩm:** Bà T là nguyên đơn trong vụ án ly hôn nên phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 235, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ vào Điều 19, Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Huỳnh Tú T:

- Về hôn nhân: Cho bà Huỳnh Tú T được ly hôn với ông La Quang V.

Giấy chứng nhận kết hôn số 190, đăng ký ngày 24/12/2019 do Ủy ban nhân dân phường CP B, thành phố CĐ, tỉnh An Giang cấp cho ông La Quang V và bà Huỳnh Tú T không còn giá trị pháp lý khi bản án có hiệu luật pháp luật.

- Về con chung: Không xem xét, giải quyết.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không xem xét, giải quyết.

- Về án phí sơ thẩm: Bà Huỳnh Tú T phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) tạm ứng án phí sơ thẩm mà bà T đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án, lệ phí Tòa án số: 0000270 ngày 04 tháng 8 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện CP nên bà T không phải nộp thêm.

- Về quyền kháng cáo: Bà Huỳnh Tú T, ông La Quang V có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được tống đạt, niêm yết hợp lệ.

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.*

***Nơi nhận:***
- TAND Tỉnh An Giang;
- Viện kiểm sát ND tỉnh AG;
- Viện kiểm sát ND H. CP;
- Chi cục THA DS H. CP;
- UBND phường CP B,
thành phố CĐ, tỉnh An Giang;
- Đương sự;
- Lưu VP; hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Thái Dương Thùy Dung**